

VỀ CƠ CẤU KHUNG CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VIỆT NAM

PGS.TS. TRẦN KIỀU - TS. TRỊNH THỊ ANH HOA

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Cơ cấu của hệ thống giáo dục (HTGD) là một khái niệm có nội hàm rất phong phú xét từ bình diện quản lý hệ thống. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới cơ cấu khung thời gian vận hành của hệ thống giáo dục phổ thông (HTGDPT) nhằm đạt được mục tiêu đã định.

1. Sơ lược về hệ thống giáo dục và hệ thống giáo dục phổ thông

1.1. Hệ thống giáo dục

Theo Ủy ban Châu Âu, HTGD (education system) là "Cách thức giao tiếp của các cơ sở, các chương trình và con người với mục đích cung cấp giáo dục (GD) cho một bộ phận hay toàn thể dân chúng" (Directorate-General for Education and Culture 2006).

Định nghĩa sau đây của UNESCO sẽ cho một hình ảnh trực quan về HTGD: "Tổ chức cấu trúc tổng thể mà thông qua đó GD với mọi dạng thức và cấp độ được cung cấp cho dân chúng: Là các cấu trúc, phương thức hoạt động và dịch vụ đảm bảo sự GD và phát triển trí tuệ của con người" (IBE - UNEVOC, 1984). Ngoài "HTGD" còn có thuật ngữ hệ thống giáo dục quốc dân (HTGDQD).

1.2. Hệ thống giáo dục phổ thông

HTGDPT là hệ thống bộ phận (hệ thống con) của HTGDQD. Bản thân nó là một phức thể thống nhất bao gồm nhiều hệ thống bộ phận nhỏ hơn, như hệ thống cơ quan lãnh đạo GD từ trung ương đến địa phương, cơ quan thanh tra GD, hệ thống các cấp học, hệ thống trường học, lớp học...

Quá trình đào tạo được vận hành trong HTGDPT gồm nhiều giai đoạn khác nhau. Mỗi cấp học là một giai đoạn có mục tiêu và kế hoạch đào tạo cụ thể để đạt được một trình độ nhất định về văn hóa khoa học, kỹ năng, phẩm chất cũng như những hiểu biết về nghề nghiệp cho người học. Mỗi giai đoạn GD và đào tạo đều có chức năng vừa chuẩn bị cho HS vào đời vừa chuẩn bị sản phẩm cho giai đoạn kế tiếp. Giai đoạn sau kế thừa kết quả đào tạo của giai đoạn trước, có mục tiêu và kế hoạch đào tạo với yêu cầu cao hơn về văn hóa khoa học, kỹ năng và hiểu biết nghề nghiệp theo xu hướng chuyên biệt và ngày càng phân hóa sâu hơn.

2. Các tiêu chí để một hệ thống giáo dục được xem là phù hợp với xu thế thời đại và vận hành có hiệu quả (tổng hợp theo UNESCO)

HTGDPT được coi là phù hợp với xu thế của thời đại phải đảm bảo các tiêu chí cơ bản sau:

- 1) Là một bộ phận của HTGDQD song mang tính chính thể tương đối;
- 2) Đảm bảo tính dân tộc, tiên tiến và hiện đại;
- 3) Là một hệ thống gồm nhiều bậc học;
- 4) Thể hiện rõ tính phổ thông, cơ bản;
- 5) Đảm bảo tính đại chúng và tính tinh hoa;
- 6) Thể hiện tính phổ thông hóa GD nghề nghiệp;
- 7) Đảm bảo tính phân hóa trong từng bậc học;
- 8) Thể hiện và đảm bảo được chức năng cơ bản là GD;
- 9) Đảm bảo tính dân chủ, bình đẳng và tính hiệu quả;
- 10) Có tính thừa kế và có tính sáng tạo;
- 11) Đảm bảo tính đa dạng trong thống nhất;
- 12) Đảm bảo tính trật tự, tuần tự và cả tính nhậy vọt (dành cho các cá nhân tài năng và những người giỏi, người có năng khiếu học vượt lớp, vượt cấp, vượt trình độ);

- 13) Có tính độc lập tương đối, ổn định tương đối, có tính linh hoạt;
- 14) Là hệ thống mở.

3. Xu thế phát triển hệ thống giáo dục phổ thông trên thế giới

HTGDPT ở các nước thường gồm 3 cấp: tiểu học, trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT).

Giai đoạn GD tiểu học kéo dài 6 năm tại số đông các nước (123/206 nước) và hầu hết là bắt buộc ở các quốc gia. Giai đoạn GD THCS thường kéo dài từ 2 đến 5 năm và phổ biến là 3 năm (107/205 quốc gia - 52,3%). Giai đoạn GD THPT kéo dài 2 đến 3 năm¹, song đối với đa số các nước là 3 năm.

Nhu vậy, thời gian học hết các cấp học phổ thông có thể từ 10 đến 13 năm. Tuy nhiên, xu hướng chung là xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông (GDPT) với 12 năm học (163/206 nước, chiếm 78,2%). Điều đáng chú ý là một số nước có thời gian học phổ thông dưới 12 năm đang có chủ trương tăng thêm thời lượng, ví dụ: Liên Xô cũ từ 10 năm chuyển lên 11 năm (1984); Bungari, Trung Quốc từ 11 năm chuyển lên 12 năm (1986); Philippin đã chuyển hệ thống GDPT 10 năm sang hệ thống GDPT 12 năm (2012).

Thời gian phân bố cho các cấp học trong hệ thống GDPT của các nước nhìn chung là: 6 + 3 + 3 (Tiểu học: 6 năm, THCS: 3 năm và THPT: 3 năm). Ngoài ra, còn có các cách phân phối khác (5 + 4 + 3), (4 + 5 + 2), (6 + 4 + 2).

Thời gian dành cho giai đoạn GD cơ bản (hoàn thành học vấn phổ thông cho người học) thường kéo dài từ 9 đến 10 năm. Hiện tại, giai đoạn này có thời gian 9 năm là phổ biến song thời gian dành cho GD cơ bản đang có xu hướng tăng². Một vài nước như Australia, Anh, một số Tiểu bang của CHLB Đức có quy định là 10 năm (cấu trúc 10+2) cho giai đoạn cơ bản và gần đây theo thống kê của INCA thì trong số 21 nước đã có tới 13 nước quy định thời gian dành cho giai đoạn này là 10 năm³. Đa số các nước lựa chọn GDPT 12 năm vì những lý do sau:

- Với HTGDPT 12 năm, HS tốt nghiệp THPT khi 18 tuổi. Đây là thời điểm phù hợp để các em bước vào đời. Với tư cách công dân đối với xã hội, ở lứa tuổi này, trẻ đã trưởng thành về mặt nhân cách; thể lực, trí tuệ đã tốt hơn, tâm lý ổn định, phân hóa rõ nét về năng lực và định hướng nghề nghiệp.

- Theo quy định Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em và nhiều thỏa thuận quốc tế khác có liên quan đến trẻ em thì độ tuổi trẻ em được quy định là dưới 18 tuổi. Vì vậy, GDPT với 12 năm đảm bảo đầy đủ quyền lợi GD của trẻ em.

- Do lượng tri thức cần đưa vào nhà trường ngày càng phong phú, đa dạng, ảnh hưởng mạnh mẽ đến cấu trúc và mức độ cần đạt của nội dung học vấn phổ thông trong bối cảnh thời đại mới. GDPT cần phải đào tạo được những con người đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội thích ứng được với sự phát triển đó để nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, cần có thời lượng phù hợp cho GDPT (12 năm) để đáp ứng nhu cầu trang bị kiến thức cơ bản và định hướng nghề nghiệp cho HS.

1. Nguồn: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013.

2. Nguồn: Ngân hàng Thế giới.

3. INCA, Comparative tables, 2013, bản dịch tiếng Việt, bảng 5.2.

- Ở một số nước, vì những hạn chế của điều kiện kinh tế - xã hội nên tổng thời gian trong 1 năm học còn thấp, chủ yếu là học 1 buổi/ngày, chưa kể những khó khăn khác có liên quan tới đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất... nên thời gian GDPT 12 năm là phù hợp.

4. Thực trạng hình thành và phát triển hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam

Trong lịch sử dân tộc, nền GD Việt Nam đã có nhiều đổi thay gắn liền với những bước chuyển trong các giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc. GD Việt Nam chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của GD Pháp, GD Liên Xô và phần nào đó là GD Mĩ. Ngoài ra, phải kể tới những ảnh hưởng chưa phải đã hết của một nền GD phong kiến Nho giáo. Những ảnh hưởng đó cũng thể hiện ở cơ cấu khung thời gian của HTGDPT.

4.1. Thời kì sau Cách mạng Tháng Tám

4.1.1. Giai đoạn 1945 - 1949

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập. Ngay sau khi lên nắm chính quyền, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã chú ý chăm lo phát triển GD nói chung, GDPT nói riêng trên cơ sở ba nguyên tắc của nền GD mới là “*đại chúng hóa, dân tộc hóa và khoa học hóa*”. Tuy vậy, cơ cấu cấp học, lớp học vẫn dựa vào hệ thống cũ mà người Pháp đã xây dựng trước đó (xem hình 1).

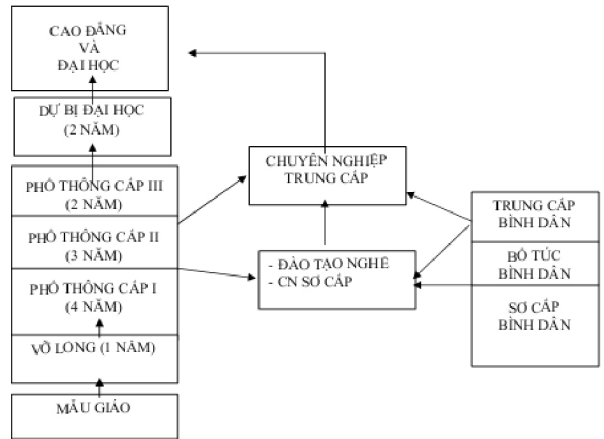
GDPT gồm cấp Tiểu học 4 năm và cấp Trung học 7 năm, trong đó trung học bậc cao - trung học chuyên khoa (3 năm) có 3 ban là: ban Toán, Lí, Hóa; ban Lí, Hóa, Sinh và ban Văn, Sử, Địa.

4.1.2. Giai đoạn 1950-1955

Ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, GD Việt Nam đứng trước các yêu cầu của những nhiệm vụ cách mạng mới: vừa phục vụ kháng chiến vừa góp phần vào công cuộc kiến quốc. Một trong những thay đổi to lớn của GD nước nhà thời kì này là tiến hành cải cách GD lần thứ nhất nhằm xóa bỏ về cơ bản ảnh hưởng của GD nô dịch mà thực dân Pháp để lại. Thay đổi HTGD phổ thông là một vấn đề trọng điểm của hoạt động cải cách lần này. HTGD được cơ cấu lại thành hệ 9 năm (4+3+2) cho phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến (giống như cơ cấu của HTGDPT ở Liên Xô thời đó) với 3 cấp học: Cấp I (4 năm) : lớp 1, 2, 3, 4 thay thế

cho bậc Tiểu học cũ; Cấp II (3 năm): lớp 5, 6, 7 thay thế cho bậc Trung học cũ; Cấp III (2 năm): lớp 8, 9 thay thế cho bậc Trung học chuyên khoa cũ.

Đáng chú ý là trong hệ thống này không bao gồm lớp vỡ lòng (sau này là lớp 1 trong hệ 12 năm) và còn có 2 năm dự bị đại học trước khi người học được tuyển chính thức vào đại học. Vì nhiều lí do khách quan, yêu cầu học dự bị đại học đối với HS trong thời kì đó đã không thể thực hiện được (xem hình 2).



Hình 2: HTGD quốc dân - năm 1950⁵

Ở vùng tạm chiếm thuộc miền Bắc (từ cuối năm 1946 tới tháng 10/1954) và ở miền Nam (cho tới 30/4/1975) vẫn theo HTGD 12 năm, gồm 5 năm tiểu học, 4 năm phổ thông trung học và 3 năm trung học chuyên khoa.

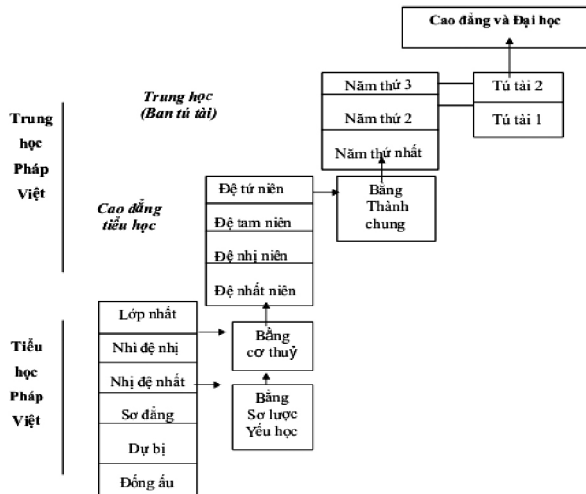
4.1.3. Giai đoạn 1956-1975

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ (1954). Một nửa đất nước được giải phóng. Sự nghiệp cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới với các nhiệm vụ mới. GD lại phải có sự đổi mới cần thiết để thích ứng. Việt Nam tiến hành cải cách lần thứ 2 với HTGD 10 năm (không kể lớp vỡ lòng), là sự thống nhất 2 hệ thống 9 năm (vùng tự do) và hệ thống 12 năm (vùng tạm chiếm). Cơ cấu khung của HTGDQD thời kì này có thể được mô tả như sau: Cấp I (4 năm): lớp 1, 2, 3, 4; Cấp II (3 năm): lớp 5, 6, 7; Cấp III (3 năm): lớp 8, 9, 10. Điều đáng chú ý là đã khôi phục lại các kì thi hết cấp I, II và thi tốt nghiệp phổ thông (cấp III).

Đối với miền Nam, sau Hiệp định Geneve 1954, chính quyền Sài Gòn tiếp quản và tiếp tục duy trì hệ thống trường lớp sẵn có từ thời thuộc Pháp. Tuy nhiên, từ năm 1969, HTGD Nam Việt Nam bắt đầu chịu ảnh hưởng của GD Mĩ và đến năm 1972 thì HTGD kiểu Mĩ được triển khai rộng khắp các vùng do Mĩ và Chính quyền Sài Gòn chiếm giữ. GDPT kéo dài 12 năm, gồm ba cấp: Tiểu học (5 năm), Trung học Đệ nhất cấp (4 năm), Trung học Đệ nhị cấp (3 năm) và bao gồm các trường công lập do Chính phủ tổ chức và điều hành, HS được miễn học phí và các trường tư thục có thu học phí. Riêng ở các vùng giải phóng, GD phổ thông lại theo cơ cấu 10 năm giống như ở miền Bắc.

4.1.4. Giai đoạn 1975 - 1986

Sau khi giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, thống nhất nền GD cả nước. GDPT được trao sứ mạng mới: chuẩn bị đào tạo thế hệ trẻ đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới của sự nghiệp cách mạng trong thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trên một đất nước thống nhất. Ngày



Hình 1: HTGD Pháp Việt dành cho người bản xứ⁴

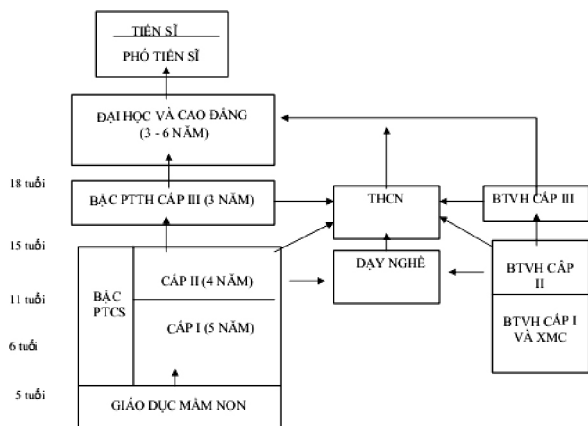
4. Giáo dục Việt Nam thời kì Cận đại, Phan Trọng Báu, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 159.

5. Năm mươi năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995), NXB GD, Hà Nội, 1995, tr. 431.

11/01/1979, Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết 14/NQ-TW về Cải cách GD lần thứ ba, trong đó quy định HTGDPT kéo dài 12 năm gồm 2 bậc học sau:

Bậc phổ thông cơ sở 9 năm, gồm hai cấp học: cấp I học 5 năm, bao gồm cả học vắn và cấp II học 4 năm với các trường phổ thông cơ sở 9 năm.

Bậc phổ thông trung học 3 năm (cấp III) với các trường phổ thông trung học 3 năm có phân ban (xem hình 3).



Hình 3: HTGD quốc dân (theo Nghị quyết 14 - 1979)

4.1.5. Thời kì đổi mới (1986 đến nay)

Từ sau Đại hội lần thứ 6 của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), ngành GD đã tiến hành đổi mới trong một quá trình kéo dài gần 30 năm, trong đó có một số thay đổi đáng chú ý đối với HTGDPT được thể hiện trong Nghị định 90/CP - 1992, đó là:

- Chính thức xác nhận sự trở lại của bậc (cấp) Tiểu học và trường tiểu học.
- Không còn loại trường phổ thông cơ sở mà chỉ có trường tiểu học (5 năm) và trường THCS (4 năm).
- Cấp I được thay bằng cấp Tiểu học và cấp II được thay bằng cấp THCS.
- Trường phổ thông trung học được thay bằng trường trung học chuyên ban. Cấp 3 được gọi là cấp THPT.

Một sự kiện đáng ghi nhớ trong thời kì này của sự nghiệp phát triển GD là sự ra đời của Luật GD. HTGDPT được quy định chính thức trong Luật GD 2005 bao gồm các bậc, cấp học sau: GD tiểu học: 5 năm, từ 6-11 tuổi; GD THCS: 4 năm, từ 11-15 tuổi; GD THPT: 3 năm, từ 15-18 tuổi.

4.2. Một số nhận xét chung

Căn cứ vào các tiêu chí căn cơ của một HTGD có thể rút ra một số nhận xét chung về hệ thống GDPT ở nước ta như sau:

- Đã xây dựng được một hệ thống tương đối hoàn chỉnh về cấp học với một mạng lưới trường phân bố đều khắp trong cả nước. Các loại trường, lớp đáp ứng được yêu cầu học tập cho các đối tượng trẻ bình thường, trẻ có năng khiếu, trẻ khuyết tật... Khung thời lượng chung và thời gian phân bố cho các cấp học sau một số lần điều chỉnh cho đến nay là tương đối phù hợp. Có thể nói cơ cấu khung thời gian hệ thống GDPT khá ổn định từ năm 1981 (bắt đầu triển khai cải cách GD lần thứ 3).

- Năm học 2014-2015, Việt Nam hiện có khoảng 14,9 triệu HS phổ thông với gần 855.478 giáo viên và có 15.337 trường tiểu học; 10.882 trường THCS, phổ thông cơ sở; 2.758 trường THPT; 242 trường phổ thông dân tộc nội trú và 687 trường phổ thông dân tộc bán trú. Phổ cập GD tiểu học và THCS trên toàn quốc đã hoàn thành.

Tóm lại, với khung thời lượng đã xác định hệ thống

GDPT được điều chỉnh khá linh hoạt với các căn cứ chủ yếu sau: Đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới; Kế thừa truyền thống, quán triệt đặc điểm của thực tiễn nhiều mặt ở Việt Nam; kết hợp với việc tham khảo xu thế của thế giới. Hệ thống GDPT đã vận hành theo một cơ chế thích hợp. Tuy nhiên, vẫn cần phải hoàn thiện nhiều để đạt được những kết quả có ý nghĩa trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ, tạo nền tảng vững chắc đối với việc xây dựng nguồn nhân lực trong tương lai. Bên cạnh những thành tựu nêu trên, hệ thống GDPT (xét về phương diện thời lượng) còn bộc lộ một số hạn chế dưới đây:

- Cơ cấu khung thời gian của hệ thống GDPT tuy đã được cải tiến thường xuyên trong suốt mấy chục năm qua để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, đảm bảo tính liên thông với các hệ thống con khác của HTGD. Tuy nhiên, cơ cấu khung thời gian của hệ thống GDPT chỉ áp dụng cho một cơ cấu các loại trường: tiểu học, THCS, trung học phổ thông. Đây là hệ quả của việc thực hiện phân luồng, đặc biệt là sau THCS còn rất kém. Việc thử nghiệm các mô hình THPT nông nghiệp, công nghiệp, thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa và gần đây là phổ thông kĩ thuật đều không thành công. THPT 3 năm vẫn là nơi duy nhất để thu hút hơn 80% HS tốt nghiệp THCS cho tới lúc kết thúc GD phổ thông.

- Tính mở của HTGD xét về mặt thời lượng còn mờ nhạt; khung thời gian học tập còn được quy định có phần cứng nhắc, không linh hoạt trong vận dụng (cho các đối tượng, cơ sở GD đặc biệt, cho các vùng miền vốn có sự khác nhau rõ rệt...).

5. Đề xuất cơ cấu khung của hệ thống giáo dục phổ thông trong tương lai

Trên cơ sở xem xét HTGD của Việt Nam qua các thời kì và tham khảo xu hướng thế giới, định hướng phát triển trong tương lai, chúng tôi đề xuất phương án (thời gian) cho hệ thống GDPT của Việt Nam như sau:

Thời gian vận hành của hệ thống GDPT (theo chu kì) vẫn nên là 12 năm, giữ nguyên thời gian đào tạo của các cấp học (5 + 4 + 3) vì với thời gian như vậy sẽ:

- Đảm bảo đủ thời gian để thực hiện mục tiêu của GDPT là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, kiến thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và hướng nghiệp để trở thành công dân (18 tuổi) và đặc biệt là *phát triển được đầy đủ các thành tố của nhân cách*, chuẩn bị tốt nền tảng cho phát triển nhân lực trong bối cảnh của thế giới hiện nay.

- Cơ cấu khung 12 năm của hệ thống và cơ cấu thời gian các cấp (5 + 4 + 3) đã được thử thách trong thực tiễn qua một thời gian.

- Đảm bảo cho việc thực hiện phân hóa đa dạng được thuận lợi, phù hợp với sự phát triển đa dạng khả năng của HS, đáp ứng trực tiếp những nhu cầu rất phong phú của đời sống, kết hợp với xu hướng gia tăng và hiện đại hóa tri thức khoa học, kĩ thuật và nhân văn trong nhà trường. Phù hợp với xu hướng trong lĩnh vực này của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong tương lai, Việt Nam có thể xem xét việc điều chỉnh giai đoạn GD cơ bản theo phân bố thời gian (6+4 + 2), hoặc (5 + 5 + 2) vì:

Kết quả của giai đoạn GD cơ bản là thể hiện trình độ dân trí tối thiểu của một nước, thể hiện học vấn phổ thông của mỗi con người như là nền tảng để từ đó phát triển theo các hướng khác nhau. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, để đảm bảo một nền tảng, một học vấn như thế thì một thời lượng học 9 năm có thể chưa đủ để hoàn thành được. Nên thêm 1 năm để có điều kiện tốt hơn trong việc trang bị

(Xem tiếp trang 64)